TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 53/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 5 - 2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ

Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-DS ngày 06/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2026 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1989, địa chỉ: K đường C, Tổ A phường T, Thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

**** Bị đơn:*** Ông Trần Thanh L, sinh năm: 1986, địa chỉ: Ul . G W, Cộng hòa B. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Bà và ông Trần Thanh L có thời gian tìm hiểu nên đã đi đến hôn nhân với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2011, quyển số 01/2011 thể hiện tại "Giấy chứng nhận kết hôn" ngày 16/02/2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà riêng ở K đường C, Tổ A(HK)TKĐ phường T, Thành phố Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2016 vợ chồng bà thường xuyên mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Năm 2024 vợ chồng bà sống ly

thân; năm 2025 ông L đi Ba Lan đến nay chưa về. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trần Thanh L.

- Về quan hệ con chung: Bà xác định bà và ông Trần Thanh L có 02 con chung là cháu Trần Bảo K, sinh ngày 11/02/2019 và Trần Gia B, sinh ngày 05/8/2011. Ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Trần Bảo K, Trần Gia B và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà xác định bà và ông Trần Thanh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác định bà và ông Trần Thanh L không có.

*** Theo Bản tự khai ngày 16/3/2026 đã được Đ tại Cộng hòa Ba Lan chứng nhận số 251/CCGD, 252/CCGD ngày 16/3/2026 bị đơn ông Trần Thanh L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và vợ ông là Nguyễn Thị H tìm hiểu và kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2011, quyển số 01/2011 thể hiện tại "Giấy chứng nhận kết hôn" ngày 16/02/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống tại K đường C, Tổ A phường T, Thành phố Đà Nẵng. Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 vợ chồng ông thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do nguyên nhân không hợp nhau, cãi vã suốt thời gian dài. Vì vậy, ông đã sang Ba Lan sinh sống nên ông và bà Nguyễn Thị H đã sống ly thân.

Nay vợ ông là Nguyễn Thị H đề nghị Toà án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng, Việt Nam giải quyết ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Trần Bảo K, sinh ngày 11/02/2019 và Trần Gia B, sinh ngày 05/8/2011. Ly hôn, ông đồng ý bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Trần Bảo K, Trần Gia B và ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông xác định ông và bà Nguyễn Thị Hồng T thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông xác định ông và bà Nguyễn Thị H không có.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" đối với ông Trần Thanh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Thanh L.

- Về con chung: Giao 02 con chung Trần Bảo K, sinh ngày 11/02/2019 và Trần Gia B, sinh ngày 05/8/2011 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Trần Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H, ông L cùng xác nhận tự thỏa thuận, nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

- Về nợ chung: Bà H, ông L cùng xác nhận không có nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng cư T1 tại K đường C, Tổ A phường T, Thành phố Đà Nẵng; bị đơn ông Trần Thanh L cư trú tại Cộng hòa B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 464, 469 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài trong vụ án này theo quy định tại Điều 122 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo đường dịch vụ bưu chính đến Đ tại Cộng hòa B để tống đạt cho đương sự ở nước ngoài là ông Trần Thanh L; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 03/4/2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng nhận được Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 16/3/2026 của ông Trần Thanh L được hợp pháp hóa lãnh sự tại Đ tại CH Ba Lan theo số 251/CCGD, 252/CCGD ngày 16/3/2026 với nội dung đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đề nghị không hòa giải để việc giải quyết vụ án được nhanh chóng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Thanh L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Thanh L có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (cũ) (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2011, quyển số 01/2011 ngày 16/02/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị H thì thấy: Bà H cho rằng từ năm 2016 vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm sống, dù đã có thời gian gắn kết nhưng không có kết quả, ông L cũng khẳng định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 và hiện nay đang sống cách biệt người ở Việt Nam, người ở Cộng hòa B. Xét thấy, bà H, ông L đều xác mỗi người sống một nơi, khoảng cách địa lý xa, tình cảm phai nhạt dẫn đến đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đều đồng ý ly hôn. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng bà H, ông L có 02 con chung Trần Bảo K, sinh ngày 11/02/2019 và Trần Gia B, sinh ngày 05/8/2011. Ly hôn, bà H và ông L có ý kiến thống nhất giao cả hai con chung cho H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi; ông L không phải cấp dưỡng cho con. Xét sự tự nguyện thoả thuận về việc nuôi con chung của bà H, ông L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần được chấp nhận.

- Về tài sản chung: Bà H, ông L cùng xác nhận tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H, ông L cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 228, 464, 469, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 122 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*" của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Thanh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Thanh L.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Bảo K, sinh ngày 11/02/2019 và Trần Gia B, sinh ngày 05/8/2011 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Trần Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Thanh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Thanh L không có.

2. Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Nguyễn Thị H phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000977 ngày 28/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà H đã nộp xong án phí Hôn nhân và gia đình.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 08/5/2026. Ông Trần Thanh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- UBND phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai (cũ là phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) (Giấy CNKH số 09/2011, quyển số 01/2011 ngày 16/02/2011)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp